

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 62/2021/HC-ST

Ngày 30 - 9 - 2021

V/v: “Khiếu kiện quyết định  
hành chính trong quản lý đất đai”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Duy Tuấn.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Ngọc Tâm

2. Bà Phạm Thị Thêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 35/2021/TLST-HC, ngày 15/4/2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐ-ST ngày 10/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2021/QĐ-PT ngày 25/9/2021, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:**

1. Ông Y D Kbuôr; trú tại: Tổ dân phố X, phường TA, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bà Lê Thị T; trú tại: W, Tổ dân phố Y, phường ET, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Lê Thị N; trú tại: Tổ dân phố X, phường TA, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: LND, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Ngọc T1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố B: Ông Phạm Văn T2 – Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; địa chỉ: HHT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị N; có mặt.
2. Chị Nguyễn Thị Kiều T3; vắng mặt.
3. Anh Nguyễn Lê Thanh H1; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, chị T3, anh H1: Ông Y D Kbuôr; cùng trú tại: Tổ dân phố X, phường TA, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

4. Ông Hồ Văn H2; vắng mặt.
5. Anh Hồ Anh N1; vắng mặt.
6. Chị Trần Thị Thu T4; vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ dân phố 5, phường ET, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền của ông H2, anh N1, chị T4: Bà Lê Thị N; trú tại: Tổ dân phố X, phường TA, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Người khởi kiện ông Y D Kbuôr đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N, chị Nguyễn Thị Kiều T3, anh Nguyễn Lê Thanh H1 trình bày:**

Năm 1997 gia đình tôi có hợp đồng nhận khoán liên kết với công ty cà phê B (nhận trồng mới cà phê) với diện tích 6.020m<sup>2</sup> đất cà phê thuộc thửa đất số 35B và 36 tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại phường TA, Tp. B. Đến ngày 20/9/2002 ký lại Hợp đồng nhận khoán mới số 91/02/HĐKT (khi lập hợp đồng mới thì Công ty thu hồi lại Hợp đồng cũ), thực tế do đặc 5.675m<sup>2</sup> thời hạn hợp đồng đến 31/12/2020. Ngày 29/9/2002 mới bắt đầu nộp sản lượng và thuế nông nghiệp cho Công ty cà phê B. Ngày 04/01/2017 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,7m<sup>2</sup> đất tại các phường TT, TN, TA, TL, TH và xã ET, thành phố B. Ngày 21/4/2020 UBND Tp. B ban hành Quyết định số 3102/QĐ – UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường TA, thành phố B (giáp đường vành đai phía Tây và Đại học B 5,4ha) viết tắt là Quyết định số 3102), trong đó phê duyệt bồi thường cho gia đình tôi số tiền 437.882.430đ, vì gia đình tôi sinh sống bằng nghề nông, thu

nhập chính từ sản xuất nông nghiệp, nay Nhà nước thu hồi đất mà chúng tôi không được hưởng chính sách bồi thường hỗ trợ về đất theo quy định tại Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 và Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk, không được hỗ trợ về ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Căn cứ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013, quy định về hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp; khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017 của chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; tại thời điểm bị thu hồi đất, gia đình tôi có 04 nhân khẩu, bản thân tôi là cán bộ hưu trí, vợ tôi và 02 người con chỉ làm nông. Hộ gia đình chúng tôi nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất, khi nhà nước thu hồi đất thì toàn bộ 100% đất được nhận giao khoán đều bị thu hồi nên gia đình chúng tôi mất đi nguồn thu nhập chính, cuộc sống vô cùng khó khăn. Căn cứ các quy định nêu trên, gia đình chúng tôi thuộc đối tượng và đủ điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Theo Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk, quy định về hỗ trợ khác thì tại thời điểm bị thu hồi, hộ gia đình chúng tôi đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp, bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai (theo Quyết định 3102 của UBND thành phố B thì gia đình chúng tôi không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai), vậy gia đình chúng tôi đủ điều kiện để được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng.

Vì vậy, tôi khởi kiện đề nghị Tòa án Hủy một phần Quyết định số 3102, buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải bồi thường về đất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất cho gia đình tôi.

**\* Bà Lê Thị N là đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Lê Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn H2, anh Hồ Anh N1, chị Trần Thị Thu T4 trình bày:**

Năm 1997 gia đình bà T ký hợp đồng nhận khoán liên kết với công ty cà phê B (nhận trồng mới cà phê), đến ngày 20/9/2009 gia đình bà T có ký lại hợp đồng nhận khoán liên kết với công ty cà phê B (khi ký lại Hợp đồng thì Công ty

thu hồi Hợp đồng cũ) với diện tích 3.027m<sup>2</sup> đất cả phê thuộc thửa đất số 33 tờ bản đồ số 65, hạng đất loại 1 vùng đội 3, tọa lạc tại phường TA, Tp. B. Hợp đồng kinh tế số 53A/Đ3/HĐKT thời hạn hợp đồng đến 31/12/2020, thực tế đo đạc 2.871,6m<sup>2</sup>. Ngày 04/01/2017 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,7m<sup>2</sup> đất tại các phường TT, TN, TL, TA, TL1, TH và xã ET, thành phố B. Ngày 21/4/2020 UBND Tp. B ban hành Quyết định số 3102/QĐ – UBND, trong đó phê duyệt bồi thường cho gia đình bà T số tiền 240.287.339 đồng, vì gia đình bà T sinh sống bằng nghề nông, thu nhập chính từ sản xuất nông nghiệp, nay Nhà nước thu hồi đất mà bà T không được hưởng chính sách bồi thường hỗ trợ về đất theo quy định tại Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 và Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk, không được hỗ trợ về ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Nên bà T khởi kiện đề nghị Tòa án Hủy một phần Quyết định số 3102 và buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải bồi thường về đất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất cho gia đình bà T.

**\* Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện – UBND Tp. B tỉnh Đắk Lắk trình bày:**

Căn cứ Quyết định 07/QĐ-UBND, ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 5.138.059 m<sup>2</sup> đất tại các xã, phường: TT, TN, TL, TA, TL, TH và xã ET, thành phố B; Trong đó giao diện tích 897.744,7m<sup>2</sup> đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315m<sup>2</sup> đất còn lại cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật.

Căn cứ Quyết định số 3657/QĐ-UBND, ngày 11/06/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường TA, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B, 5,4 ha).

Ngày 20/12/2020, UBND thành phố B ban hành Kế hoạch số 199/KH-UBND thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường TA, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B, 5,4 ha).

Ngày 03/01/2020, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND, UBMTTQ VN phường TA, Tổ dân phố 8, Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng thành phố và các hộ dân có hợp đồng nhận khoán với công ty TNHH MTV cà phê B tiến hành họp thông qua chủ trương, chính sách và triển khai nội

dung liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án.

Ngày 27/03/2020, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND, UBMTTQ VN phường TA, Tổ dân phố 8 tiến hành niêm yết công khai phương án dự thảo bồi thường, hỗ trợ tại UBND phường TA.

Ngày 16/04/2020, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND, UBMTTQ phường TA, Tổ dân phố 8 tiến hành tổng hợp ý kiến của hộ dân sau khi công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tại UBND phường TA.

Ngày 21/04/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3102.

Ngày 25/6/2020, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định 4341/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất;

Ngày 09/07/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4801/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường TA, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B, 5,4 ha).

Đối với đơn khởi kiện của ông Y D Kbuôr và bà Lê Thị T, UBND thành phố B có ý kiến như sau:

Về nguồn gốc đất:

Đất của ông Y D Kbuôr và bà Lê Thị T hợp đồng nhận khoán sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV cà phê B theo Hợp đồng số 91Đ3/HĐKT ngày 29/9/2002 với diện tích là 6.020m<sup>2</sup> đất trồng cà phê, thời hạn hợp đồng từ ngày 29/9/2002 đến 31/12/2020 và Hợp đồng số 53A/Đ3/HĐKT ngày 25/9/2009 với diện tích 3.027m<sup>2</sup> đất trồng cà phê, thời hạn hợp đồng từ ngày 25/9/2009 đến 31/12/2020 tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 65, phường TA.

Căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 76; khoản 1 Điều 82 Luật đất đai năm 2013 “*Các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm:.....Đất nhận khoán để sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối....*”. Đất của gia đình ông Y D Kbuôr và bà Lê Thị T đang sử dụng là đất nhận khoán của Công ty TNHH MTV cà phê B nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định.

Về hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định “*Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất*

*nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm”.*

Hiện nay Công ty TNHH MTV cà phê B đã giải thể, tại Quyết định 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk đã thu hồi đất của Công ty TNHH MTV cà phê B nên Hợp đồng kinh tế về việc giao khoán sản xuất cà phê không còn hiệu lực vì vậy không đủ điều kiện để hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện ông Y D Kbuôr và bà Lê Thị T.

***\* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:***

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Y D Kbuôr và bà Lê Thị T - Hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ – UBND ngày 21/4/2020 của UBND Tp. B về việc Phê duyệt phương án bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường TA, thành phố B (giáp đường vành đai phía Tây và Đại học B 5,4ha); buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất cho hộ gia đình ông Y D Kbuôr và bà Lê Thị T theo đúng quy định của pháp luật;

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Y D Kbuôr và bà Lê Thị T về yêu cầu buộc UBND Tp. B bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Trước khi mở phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Vì đây là phiên tòa mở lần thứ hai nên HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 157 LTTHC để xét xử vụ án.

[1.2] Về thẩm quyền:

Ông Y D Kbuôr, bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của UBND Tp. B, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu:

Ngày 21/4/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tp. B ban hành Quyết định số 3102. Ngày 05/4/2021, ông Y D Kbuôr và bà Lê Thị T khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông D và bà T về việc buộc UBND Tp. B bồi thường về đất, thấy rằng: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện diện tích đất trước khi bị thu hồi của gia đình ông Y D Kbuôr và bà Lê Thị T là đất Hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV cà phê B. Đất bị thu hồi của ông D theo Hợp đồng số 91/Đ3/HĐKT ngày 20/01/2002 có diện tích là 6.020m<sup>2</sup> đất trồng cà phê, thời hạn hợp đồng từ ngày 20/9/2002 đến 31/12/2020, tại thửa đất số 35B + 36, tờ bản đồ số 65. Đất của bà T theo Hợp đồng số 53A/Đ3/HĐKT ngày 25/9/2009 có diện tích là 3.027m<sup>2</sup> đất trồng cà phê, thời hạn hợp đồng đến 31/12/2020, tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 65. Vì vậy, căn cứ Điều 74; Điều 75; điểm đ khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 thì gia đình ông Y D Kbuôr và gia đình bà Lê Thị T không thuộc diện được bồi thường về đất.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông D và bà T về việc UBND Tp. B không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình ông D, bà T, thấy rằng:

Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, thì khi bị thu hồi đất, người sử dụng đất được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm.

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì Hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất

nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện cụ thể tại địa phương quy định mức hỗ trợ cho phù hợp; Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 19 Quyết định số 39/QĐ – UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm phù hợp với quy định của pháp luật. Việc người bị kiện cho rằng hiện nay Công ty đã giải thể nên không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình ông D và hộ gia đình bà T là không có căn cứ pháp lý.

Tại Biên bản xác minh về việc hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, thực trạng lao động nghề nghiệp của hộ gia đình ông D được UBND phường TA, thành phố B xác nhận ngày 13/4/2020 thì hộ gia đình ông D có 4 nhân khẩu, ông D là đối tượng được hưởng lương thường xuyên, vợ ông D là bà Lê Thị N, 02 con là Nguyễn Lê Thanh H1 và Nguyễn Thị Kiều T3; nghề nghiệp làm nông. Tại Biên bản xác minh về việc hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, thực trạng lao động nghề nghiệp của hộ gia đình bà T được UBND phường ET, thành phố B xác nhận ngày 11/3/2020 thì hộ gia đình bà T có 4 nhân khẩu là đối tượng không được hưởng lương thường xuyên; nghề nghiệp làm nông.

Như vậy, khi ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, UBND thành phố B đã không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho gia đình ông D và gia đình bà T là không đúng quy định pháp luật.

[2.3] Đối với việc hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất khi thu hồi đất: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013, khi nhà nước thu hồi đất thì người sử dụng đất được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất. Căn cứ điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì gia đình ông D và gia đình bà T thuộc diện được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất. Việc hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013, Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 17 Quyết định số 39/QĐ – UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, khi thu hồi đất của gia đình ông D và gia đình bà T, Ủy ban nhân dân thành phố B đã không thực hiện việc hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất là không đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên thấy rằng cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D, bà T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày

21/4/2020 của UBND Tp. B đối với phần bồi thường về hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D, bà T về yêu cầu UBND Tp. B bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Y D Kbuôr và bà Lê Thị T nên Ủy ban nhân dân Tp. B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 69; Điều 74; Điều 75; điểm đ khoản 1 Điều 76; điểm a, b khoản 2 Điều 83; khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Y D Kbuôr và bà Lê Thị T. Hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ – UBND ngày 21/4/2020 của UBND Tp. B về việc Phê duyệt phương án bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường TA, thành phố B (giáp đường vành đai phía Tây và Đại học B 5,4ha); Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất cho hộ gia đình ông Y D Kbuôr và hộ gia đình bà Lê Thị T theo đúng quy định của pháp luật;

[2.2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Y D Kbuôr và bà Lê Thị T về yêu cầu UBND Tp. B bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

[3] Về án phí:

Buộc Ủy ban nhân dân Tp. B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị T 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu số 60AA/2021/0006756 ngày 14/4/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Trần Duy Tuấn**